

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2019
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đinh Văn H - sinh năm 1996; có mặt;

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1997; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn THT, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đinh Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 27/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn THT, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng cách sống, lối sống; chị D không thật lòng yêu thương anh, có biểu hiện sống không

chung thủy, vẫn thường xuyên nhấn tin tình cảm với người yêu cũ; nên vợ chồng hay xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Đến tháng 01/2018, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống; từ đó anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn, anh có làm đơn xin ly hôn chị D, UBND xã TH tiến hành hoà giải, song không thành vì chị D không tham gia phiên hòa giải. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, việc đoàn tụ là không thể; do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con: Vợ chồng không có con chung, con riêng, hiện nay chị D không mang thai, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ cá nhân, tập thể, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2019, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Đinh Văn H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 27/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có hiểu lầm, anh H ghen tuông vô cớ. Mặt khác, mẹ anh H luôn soi mói, can thiệp riêng vào cuộc sống của vợ chồng; anh H nhu nhược, nghe theo lời mẹ nên đánh, chửi chị. Để chứng minh tình cảm của mình, chị đã nói chuyện với anh H và còn có ý định tự tử để anh H hiểu đúng về chị. Sau đó, tháng 12/2017 chị đã về nhà mẹ đẻ, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì theo đạo thiên chúa giáo, nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con: Vợ chồng không có con chung, con riêng, hiện nay chị không mang thai, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có nhà đất vì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh H. Khi cưới, chị có 10.800.000 đồng tiền mừng cưới và 03 chỉ vàng 9999 là quà hồi môn bố mẹ chị cho. Chị đã đưa 10.800.000 đồng cho anh H để mua máy giặt, bếp ga, nồi cơm điện; còn 03 chỉ vàng 9999 anh H đang quản lý. Hiện nay, anh H đang quản lý các tài sản trên. Khi ly hôn, chị đề nghị anh H trả lại chị số tiền 10.800.000 đồng, 03 chỉ vàng 9999.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ cá nhân, tập thể, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 04/04/2019, nguyên đơn Đinh Văn H khai bổ sung về phần tài sản chung của vợ chồng như sau: Đối với 03 chỉ vàng 9999, chị D khi về nhà bố mẹ đẻ đã mang về; còn số tiền 10.800.000 đồng là số tiền cá nhân của chị D, anh không biết. Chị D trình bày đưa cho anh số tiền 10.800.000 đồng để mua máy giặt, bếp ga, nồi cơm điện là không đúng. Các tài sản trên do anh tự bỏ tiền ra để mua về sử dụng, không liên quan gì đến tiền của chị D. Anh chị mới kết hôn được 01 tháng, nên chưa tạo lập được tài sản chung gì. Do đó, anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo chị D đến để trình bày quan điểm, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị D đều vắng mặt (chị D có làm đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa).

Xác minh tại UBND xã TH xác định: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn giữa anh H và chị D là do anh chị tuổi còn trẻ, chưa biết cách cư xử đúng mực, chưa tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống; nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, bất hòa, đánh cãi chửi nhau, sống không có hạnh phúc. Cuối năm 2017, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, từ đó anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn, anh H có làm đơn xin ly hôn chị D, UBND xã TH tiến hành hoà giải, song chị D vắng mặt nên hoà giải không thành. Nay, anh H có đơn xin ly hôn với chị D, quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã TH đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để anh chị đoàn tụ. Trường hợp anh H cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn bởi vì anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị D. Các vấn đề khác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Xử cho ly hôn giữa anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị D. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đinh Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Đinh Văn H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Nguyễn Thị D hiện đang cư trú tại xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị D là tự nguyện, hợp pháp. Do do anh chị kết hôn lúc tuổi còn trẻ, chưa biết cách cư xử đúng mực, chưa tin tưởng nhau, anh H nghi ngờ chị D sống không chung thủy, nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, bất hòa, xảy ra đánh cãi chửi nhau, sống không có hạnh phúc. Sau khi sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H xin ly hôn chị D là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: Anh chị không có con chung, con riêng, hiện nay chị D không mang thai, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh H khai rằng anh chị mới kết hôn được hơn 01 tháng thì chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nên vợ chồng chưa tạo lập được tài sản chung gì. Việc chị D khai đưa cho anh 10.800.000 đồng để mua máy giặt, bếp ga, nồi cơm điện là không đúng, đây là số tiền anh tự bỏ ra để mua về sử dụng sau khi cưới, không liên quan gì đến tiền của chị D. Còn 03 chỉ vàng 9999, chị D khi về nhà bố mẹ đẻ đã mang về, anh không quản lý số vàng này. Chị D trình bày chị có đưa cho anh H số tiền 10.800.000 đồng và 03 chỉ vàng 9999, nhưng chị không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị đưa cho anh H số tiền, vàng nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo chị D đến để trình bày quan điểm của mình, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, song chị D đều vắng mặt; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của chị D về tài sản trong vụ án này. Chị D có thể khởi kiện về việc chia tài sản ở vụ án khác.

[5] Về công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh H và chị D không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Đinh Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị D.
 2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đinh Văn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04437 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.
 3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh